**PHỤ LỤC 1: Đề cương đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ ứng dựng CNTT được giao đến 30/6/2019 và dự kiến nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020**

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT 2019**

1. Môi trường pháp lý, công tác chỉ đạo điều hành

*- Ban hành các chương trình, kế hoạch, quy chế CNTT*

*- Văn bản chỉ đạo, điều hành về CNTT*

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ứng dụng CNTT *(Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC; hiện trạng mạng LAN kết nối WAN, kết nối Internet; nêu rõ hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin,...).*

*-* Công tác đảm bảo an toàn thông tin*:* các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan, đơn vị; triển khai, cài đặt phần mềm diệt vi rút bản quyền (số lượng, tỷ lệ máy tính,…)

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

*3.1. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.*

Báo cáo tình hình xây dựng, triển khai cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

 *3.2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.*

- Số lượng dịch vụ công (DVC) trực tuyến đã triển khai cung cấp đạt mức 3, mức 4 so với tổng số DVC của đơn vị;

- Số lượng hồ sơ tiếp nhận giải quyết qua môi trường mạng của từng DVC trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết từ 01/01/2019 đến thời điểm báo cáo;

- Địa chỉ cung cấp DVC trực tuyến trên môi trường mạng (bao gồm của tỉnh và bộ, ngành cung cấp);

- Việc thực hiện gửi, nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tại đơn vị qua dịch vụ bưu chính theo quy định (nếu có).

 *3.3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC.*

- Tình hình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa và trong cơ quan, đơn vị *(số lượng, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, trước hạn,…).*

*-* Đối với cấp huyện: Tình hình sử dụng phần mềm, kết quả tiếp nhận và giải quyết tại UBND huyện và UBND các xã, phường, thị trấn,..

 - Số lượng, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến qua mạng trên phần mềm một cửa điện tử,…

 4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ.

 - Về triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng văn bản điện tử

 - Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ; sử dụng chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử và các giao dịch khác *(BHXH, DVCTT Kho bạc,…)*

*-* Tình hình triển khai ứng dụng các HTTT, CSDL chuyên ngành khác trong hoạt động chuyên môn, quản lý của ngành, địa phương.

 5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

 - Nội dung này các sở, ngành báo cáo tình hình xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do đơn vị mình triển khai theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2019 và nhiệm vụ được giao triển khai tại các văn bản của tỉnh và các bộ, ngành.

- Bao gồm các thông tin cơ bản: Mục tiêu, nội dung, phạm vi đầu tư, thời gian triển khai, kết quả đạt được; hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các ngành liên quan khác. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

6. Nguồn nhân lực

Đánh giá hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT, cụ thể như: trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT của các cán bộ chuyên trách; cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị ứng dụng CNTT,…

7. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch 2019: Cụ thể từng mục tiêu, kết quả đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân, đề xuất kiến nghị.

8. Danh sách các nhiệm vụ, dự án CNTT triển khai năm 2019 *(đối với các đơn vị có triển khai các nhiệm vụ, dự án CNTT theo Kế hoạch số 122 và theo nhiệm vụ UBND tỉnh giao)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì triển khai | Lĩnh vực ứng dụng | Mục tiêu đầu tư | Quy mô nội dung đầu tư | Phạm vi đầu tư. Đối với các sở, ngành nếu triển khai tới địa phương nêu rõ tới cấp nào (tỉnh/huyện/xã) | Tổng mức đầu tư  | Kinh phí đã giải ngân | Nguồn vốn *(ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương;…)* | Ghi chú |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |  |   |  |
| … |   |   |   |   |   |   |   |  |   |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. NHỮNG VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN**

 Nêu rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề xuất, kiến nghị cụ thể để khắc phục các hạn chế, vướng mắc.

**IV. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT 2020**

 Căn cứ Kế hoạch số 265/KH-UBND tỉnh ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh về Ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/3/2019 về Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 của cơ quan, đơn vị đã xây dựng. Đề xuất các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh triển khai năm 2020 thuộc ngành, lĩnh vực quản lý cho phù hợp trên cơ sở đảm bảo nguồn lực triển khai, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả. Mẫu danh mục như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì triển khai | Mục tiêu đầu tư | Quy mô nội dung đầu tư | Phạm vi đầu tư  | Thời gian triển khai | Nội dung đầu tư năm 2020 | Tổng mức đầu tư dự kiến | Nguồn vốn *(ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương; vốn ODA, …)* | Kinh phí đầu tư năm 2020 |
|  1 |   |   |   |   |   |   |   |  |   |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** Đối với nhiệm vụ, dự án CNTT dự kiến triển khai trong năm 2020 của cơ quan, đơn vị có tổng kinh phí từ 500 triệu đồng trở lên đề nghị cung cấp thông tin chi tiết theo Phụ lục 2 kèm theo.

**PHỤ LỤC 2: Nội dung chi tiết nhiệm vụ CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2020**

**Tên dự án, nhiệm vụ CNTT**: …………………………………………..
**Cơ quan thực hiện:** . …………………………………………………......

(Cung cấp thông tin và nội dung đối với từng dự án, nhiệm vụ cụ thể)

**I. THÔNG TIN CHUNG (DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CNTT)**

1. Căn cứ pháp lý

1.1.Căn cứ chung

- Nêu rõ các căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật của ngành, lĩnh vực quản lý

- Các căn cứ pháp lý, các văn bản hướng dẫn thuộc lĩnh vực CNTT phục vụ triển khai, ứng dụng các nhiệm công nghệ thông tin

1.2. Căn cứ cụ thể

Nêu các căn cứ, văn bản cụ thể của ngành, của tỉnh trong đó quy định rõ nhiệm vụ phải xây dựng dự án, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Mục đích, yêu cầu, nhu cầu đầu tư

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

3. Nội dung và quy mô đầu tư

4. Địa điểm thực hiện

5. Loại nguồn vốn

Ghi rõ loại vốn: ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương ( nguồn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển ), nguồn vốn xã hội hóa, nguồn tài trợ nước ngoài,…

6. Thời gian thực hiện

7. Dự kiến kết quả đạt được

 - Hiệu quả mang lại đối với cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước, công tác chỉ đạo điều hành;

 - Hiệu quả đạt được đối với các đơn vị thụ hưởng; đối với người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

 - Các hiệu quả đạt được trong quá trình hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và của tỉnh.

8. Đề xuất, kiến nghị

**II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ**

1. Hiện trạng công nghệ thông tin

1.1. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật CNTT

Nêu hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, các trang thiết bị CNTT hiện có tại đơn vị triển khai và các địa điểm dự kiến triển khai đầu tư

1.2. Hiện trạng về ứng dụng CNTT

Nêu hiện trạng ứng dụng CNTT tại đơn vị triển khai và các địa điểm dự kiến triển khai đầu tư (trong đó nêu ra việc đã có hay chưa sử dụng các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đối với nội dung dự kiến triển khai).

1.3 Hiện trạng về nguồn nhân lực

2. Sự cần thiết phải đầu tư

Nêu được các lợi ích, hiệu quả mang lại của việc triển khai ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính và các lợi ích xã hội khác.

**III. HÌNH THỨC TRIỂN KHAI**

1. Phương án triển khai

Nêu rõ phương án triển khai theo hướng tập trung hay phân tán

2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện triển khai

- Nguồn kinh phí

- Nhân lực, con người

- Môi trường chính sách

- Các điều kiện khác

**IV. KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

1. Căn cứ pháp lý lập dự toán

1.1. Các văn bản hướng dẫn lập dự toán

1.2. Các văn bản quy định về định mức, đơn giá, mức chi

Trong đó có các quy định về lương; chế độ đào tạo, tổ chức hội nghị; thẩm tra và phê duyệt quyết toán; áp dụng các định mức kinh tế, kỹ thuật; xác định chi phí trong trường hợp phát triển, nâng cấp phần mềm và các quy định khác có liên quan

2. Dự toán kinh phí

Khái toán các mục chi, chi phí thực hiện dự án, nhiệm vụ CNTT dự kiến triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT, bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi phí** | **Kinh phí** | **Ghi chú** |
| I | Chi phí xây lắp |  |  |
| II | Chi phí thiết bị |  |  |
| III | Chi phí quản lý dự án |  |  |
| IV | Chi phí tư vấn |  |  |
| V | Chi phí khác có liên quan |  |  |
| VI | Chi phí dự phòng |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |

**V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

**PHỤ LỤC 3: Khung Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2020**

**Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như:**

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2017;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

- Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 265/KH-UBND tỉnh ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh về Ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/3/2019 về Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025

- Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước của tỉnh;

- Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của tỉnh;

……………………………………

**I. MỤC TIÊU**

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại văn bản hướng dẫn này, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019, các đơn vị đề xuất mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2020 phù hợp,

**II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

Căn cứ mục tiêu năm 2020, xác định các nhiệm vụ cần triển khai trong năm 2020 phù hợp với các nhiệm vụ trọng tâm và yêu cầu nêu tại văn bản này.

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

3. Xây dựng, hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành; HTTT, CSDL quốc gia tạo nền tảng phát triển CPĐT

4. Phát triển nguồn nhân lực

5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

*(các nhiệm vụ cụ thể nêu tại Phụ lục kèm theo)*

**III. GIẢI PHÁP**

 Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm (không giới hạn) các nội dung chính sau:

1. Giải pháp môi trường chính sách

 2. Giải pháp tài chính

3. Giải pháp gắt kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

 4. Giải pháp tổ chức, triển khai

5. Các giải pháp kỹ thuật công nghệ và các giải pháp khác

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

 Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân câp; huy động các nguồn vốn từ trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác,….

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

**Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ, dự án CNTT năm 2020**

Căn cứ định hướng chung, Bộ, ngành, địa phương đề xuất các nhiệm vụ, dự án cho phù hợp trên cơ sở đảm bảo nguồn lực triển khai, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả. Mẫu danh mục như sau:

 *(Kèm theo Kế hoạch số / ngày tháng năm 2019 của )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì triển khai | Đơn vị phối hợp | Dự án chuyển tiếp hay dự án mới | Mục tiêu đầu tư | Quy mô nội dung đầu tư | Phạm vi đầu tư  | Thời gian triển khai | Nội dung đầu tư năm 2020 | Tổng mức đầu tư dự kiến | Nguồn vốn *(ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương; vốn ODA, …)* | Kinh phí đầu tư năm 2020 |
|  1 |   |   |   |  |   |   |   |   |   |  |   |  |
|  … |   |   |   |  |   |   |   |   |   |  |   |  |